

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2024/HS-ST

Ngày: 09-8-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Thanh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phước Tâm

2. Ông Võ Chí Sĩ

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1/ Trần Nhật L, sinh năm 1993 tại tỉnh Đồng Tháp; giới tính: Nam; nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn C và con bà Hồ Thị N; có vợ và có 01 người con; tiền sự: Không; tiền án: Không; Nhân thân: Bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 42/2024/HS-ST ngày 30/5/2024 (án đã có hiệu lực pháp luật).

Tạm giữ 13/12/2023, tạm giam ngày 22/12/2023 (trong vụ án khác);

Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2/ Dương Phước T (tên gọi khác: Thanh C1), sinh năm 1986 tại tỉnh Đồng Tháp; giới tính: Nam; nơi cư trú: Tổ G, ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Dương Văn T1 và con bà Nguyễn Thị P; có

vợ và có 01 người con: tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng theo Quyết định số 10/2024/QĐ-TA ngày 27/02/2024.

Bắt tạm giam ngày 05/5/2024.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Nguyễn Minh N1, sinh năm 2001 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Đỗ Thanh V, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Tổ H, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3/ Lê Phú Q, sinh năm 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Nhật L và Dương Phước T là bạn bè quen biết nhau ngoài xã hội, muốn có tiền tiêu xài L bàn bạc và rủ T đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân thì T đồng ý.

Vào khoảng 11 giờ, ngày 12/11/2023 sau khi cả hai bàn bạc và thống nhất đi tìm tài sản lấy trộm. L mượn xe mô tô không rõ biển số của người bạn quen biết ngoài xã hội tên là M (không rõ tên, họ và địa chỉ cụ thể). L điều khiển xe mô tô chở T từ thành phố C đến khu vực ấp C, xã T, huyện C phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, biển số 66P1 - 782.42 của anh Nguyễn Minh N1 đang đậu trước cửa nhà, chìa khóa còn cắm trong ổ khóa xe. Thấy vậy, L dừng xe cách đó khoảng 30 mét làm nhiệm vụ cảnh giới còn T lén lút đi vào bên trong lấy trộm xe khởi động chạy về phòng trọ của L ở khu vực chợ R, thuộc xã M, thành phố C, cả hai tháo biển số 66P1-786.42 ra và mang xe đến bán cho ông Đỗ Thanh V ngụ ấp H, xã H, thành phố C với số tiền 2.000.000 đồng chia nhau tiêu xài. Sau đó, ông V nhặt được biển số 66B1- 555.68 gắn vào xe mô tô mua được từ T và L để sử dụng. Đến ngày 12/12/2023, Trần Nhật L bị Cơ quan điều tra Công an thành phố C bắt giữ về hành vi trộm cắp tài sản. Qua đó, L khai nhận vào ngày 12/11/2023 cùng Dương Phước T trộm cắp xe mô tô của anh Nguyễn Minh N1 đem bán cho ông Đỗ Thanh V. Qua làm việc ông V thừa nhận

có mua xe mô tô trên nên tự nguyện giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C.

Tại bản kết luận định giá số 183/KL-HĐĐGTTTHS ngày 26/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận giá trị của tài sản bị chiếm đoạt như sau: Xe mô tô Honda, loại Wave Anpha màu trắng đen bạc, số khung RLHHC125FY419551, số máy: HC12E7419573 đã qua sử dụng có giá trị 6.500.000 đồng.

Việc tạm giữ và xử lý đồ vật, tài liệu:

Quá trình điều tra xác định xe mô tô biển số 66P1-786.42 là của ông Nguyễn Tấn Đ đứng tên chủ sở hữu, ông Đ là cha vợ của anh Nguyễn Minh N1 đã cho anh N1 nhưng chưa sang tên Cơ quan điều tra huyện C đã giao trả cho anh N1.

Đối với biển số 66B1-555.68 là biển số được cấp cho xe mô tô loại Exciter do anh Q đứng tên chủ sở hữu, quá trình sử dụng bị rơi anh Q đã làm thủ tục mất và được cấp biển số xe mới nên không yêu cầu nhận lại.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng ông V bỏ ra mua lại xe cùng các chi phí khác ông V không yêu cầu các bị cáo trả lại.

Đối với biển số xe 66P1-786.42 không thu hồi được.

Trong quá điều tra các bị cáo thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của bị hại Nguyễn Minh N1 như đã nêu trên.

Về bồi thường dân sự:

Trong quá trình điều tra, bị hại N1 đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì thêm.

Ông Đỗ Thanh V không biết tài sản do các bị cáo phạm tội mà có và không có chứng cứ, chứng minh hành vi của ông V nên không có căn cứ để xem xét xử lý hình sự.

Tại Cáo trạng số 21A/CT-VKSHCL ngày 18/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố các bị cáo Trần Nhật L, Dương Phước T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo thừa nhận thực hiện hành vi lén lút lấy trộm tài sản của bị hại N1 như nội dung bản Cáo trạng miêu tả. Số tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là: 01 xe mô tô. Các bị cáo đồng ý với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đồng ý với kết luận định giá của Hội đồng định giá, đồng ý giá trị tài sản mà các bị cáo lén lút chiếm đoạt của bị hại là 6.500.000 đồng. Các bị cáo khai mục đích lén lút lấy trộm tài sản của bị hại là để tiêu xài cá nhân.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp phát biểu luận tội có nội dung chính như sau:

Kiểm sát viên nhận định, các bị cáo lợi dụng lúc bị hại thiếu cảnh giác đã lén lút thực hiện hành vi lấy trộm 01 xe mô tô trị giá là 6.500.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Hành vi của các bị cáo đủ cơ sở cấu thành tội phạm “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận nội dung truy tố của Cáo trạng. Từ lời nhận tội của các bị cáo, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ thu thập được, đủ cơ sở khẳng định việc truy tố tại Cáo trạng là đúng pháp luật. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và cần xử lý. Tuy nhiên, Kiểm sát viên nhận thấy, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Riêng bị cáo L tự thú nên Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Từ những phân tích trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Nhựt L, Dương Phước T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s, r khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 56 và Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo L từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Đề nghị tổng hợp hình phạt với Bản án số 42/2024/HS-ST ngày 30/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Các phần khác đề nghị xử lý như phần Quyết định Cáo trạng đã nêu.

Tại phần tranh luận, các bị cáo không phát biểu tranh luận. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Từ khi khởi tố vụ án cho đến tại phiên tòa sơ thẩm, những người tham

gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Xét thấy, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy, các bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi, hoàn toàn có khả năng nhận thức được từng hành động, việc làm của mình. Tuy nhiên, vào sáng ngày 12/11/2023, đã lợi dụng lúc bị hại không trông coi tài sản, lén lút lấy trộm 01 xe mô tô đã qua sử dụng, tài sản trên theo định giá là 6.500.000 đồng.

Các bị cáo lấy tài sản trên với mục đích là để tiêu xài cá nhân. Do đó, các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại một cách trái pháp luật. Kết quả điều tra xác định được các bị cáo thực hiện với vai trò đồng phạm giản đơn.

Từ những phân tích trên, có căn cứ khẳng định hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị cáo đủ cơ sở cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như sau:

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[3] Xét thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ra ảnh hưởng xấu cho xã hội, do đó hành vi của bị cáo cần phải được xử lý. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử cũng thấy rằng:

Về tình tiết giảm nhẹ:

Đối với bị cáo L: Mặc dù, bị cáo L đã bị Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” án đã có hiệu lực pháp luật nhưng không được xem là có tiền án, bởi hành vi phạm tội của bị cáo L thực hiện địa bàn huyện C thực hiện trước hành vi bị cáo thực hiện trên địa bàn thành phố C, thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa bị kết án. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đối với bị cáo; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà bị cáo cũng thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo L đã tự nguyện khai báo hành vi phạm tội trước khi vụ án được phát hiện nên được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ là tự thú, đây là những tình tiết được quy định tại điểm i,

s, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo T: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo L là người rủ bị cáo T cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên L giữ vai trò chính còn T là người giúp sức nên Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo.

Trước khi bị cáo L bị đưa ra xét xử trong vụ án này, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 42/2024/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024, hiện Bản án đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử xem xét tổng hợp trong vụ án này.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một khoảng thời gian nhất định để giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích, góp phần răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài liệu tạm giữ: Đối với biển số xe 66B1-555.68 là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo L và bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Xét thấy phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Nhựt L và Dương Phước T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s, r khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 56 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Nhựt L 01 (Một) năm 06 (S) tháng tù.

Tổng hợp với mức hình phạt 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù về tội “Trộm

cấp tài sản” theo Bản án số 42/2024/HS-ST ngày 30/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án là 04 (B) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/12/2023.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Phước T 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/5/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy biển số 66B1-555.68.

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Nhật L và bị cáo Dương Phước T mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Phước Tâm – Võ Chí Sĩ

Nguyễn Hoàng Thanh Trúc